TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 6 – 2023
"V/v Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Liêm.
2. Ông Hà Trọng Tâm.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Xuân Thùy Dương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm: 1996 (Có mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp Tân L, xã Tân Th, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.
Bị đơn: Anh Nguyễn Hải Tr, sinh năm: 1993 (Xin vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: Ấp Cái S, xã Hoà T, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hải Tr xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2023 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh, chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong sinh hoạt hàng ngày dẫn đến cự cải thường xuyên. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha mẹ hai bên không biết nên không tổ chức hòa giải hàn gắn.

Chị và anh Tr đã ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án cho chị xin ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Chị T xác định: Anh, chị có một người con chung tên Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 21/12/2013, hiện con đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Hải Tr thể hiện:

Về hôn nhân: Anh Tr xác định về thời gian kết hôn, không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, ly thân như lời chị T trình bày là đúng. Nay chị T xin ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Tr xác định: Anh, chị có một người con chung tên Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 21/12/2013, hiện con đang sống cùng chị T. Khi ly hôn anh yêu cầu chị T tiếp tục nuôi con, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Tr xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh Tr khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Hải Tr thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; anh Tr là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Cái Su, xã Hoà Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Hải Tr tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương. Có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh, chị đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, cho nên hôn nhân giữa anh, chị không thỏa mãn về mặt hình thức. Nay chị T yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn dẫn đến cự cãi thường xuyên, không tin tưởng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt. Anh, chị không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Anh, chị đã ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án anh, chị đã thống nhất đồng ý ly hôn do cuộc sống chung của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Bên cạnh đó, chị T, anh Tr xác định anh, chị không trở về chung sống với nhau được nữa vì tình cảm vợ, chồng không còn.

Xét mâu thuẫn thực tế của anh Tr và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên anh, chị không được công nhận là vợ, chồng.

[4] Về con chung: Chị T, anh Tr xác định: Anh, chị có một người con chung tên Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 21/12/2013, hiện con đang sống cùng chị T. Khi ly hôn anh, chị thỏa thuận giao cháu Ng cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy việc nuôi dạy con là quyền và nghĩa vụ của chị T, anh Tr. Giao con cho chị T hoặc anh Tr trực tiếp nuôi dạy cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con nên cần phải hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng đời sống và bảo đảm được việc học hành, sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần của con. Bên cạnh đó, anh, chị đã thỏa thuận khi ly hôn giao cháu Ng cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Ng cũng có ý kiến nguyện vọng sống cùng với mẹ nếu cha, mẹ cháu ly hôn. Để tránh sự xáo trộn tâm lý, cuộc sống của cháu nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Ng cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Tr không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị T, anh Tr xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị T, anh Tr khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Hải Tr là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng Ng, sinh ngày 21/12/2013, hiện cháu Ng đang sống cùng chị T, cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Tr không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T, anh Tr xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị T, anh Tr khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 19 tháng 5 năm 2023, chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0003400 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lê Thúy Dung